

CHÍNH PHỦ
Số: 39/2009/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

Về vật liệu nổ công nghiệp

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và quản lý nhà nước về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

Nghị định này không áp dụng đối với các hoạt động vật liệu nổ công nghiệp phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng và trong các trường hợp khẩn cấp theo quy định pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vật liệu nổ công nghiệp tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- "Thuốc nổ" là hoá chất hoặc hỗn hợp hoá chất được sản xuất, sử dụng nhằm tạo ra phản ứng nổ dưới tác động của các kích thích cơ, nhiệt, hoá hoặc điện.
- "Phụ kiện nổ" là các loại kíp nổ, dây nổ, dây cháy chậm, mìn nổ, các vật phẩm chứa thuốc nổ có tác dụng tạo kích thích ban đầu làm nổ khối thuốc nổ hoặc các loại thiết bị chuyên dùng có chứa thuốc nổ.
- "Tiền chất thuốc nổ" là nguyên liệu trực tiếp để sản xuất thuốc nổ, bao gồm các chất amoni nitrat (NH_4NO_3), nitrometan (CH_3NO_2), Natri nitrat (NaNO_3), Kalinitrat (KNO_3), Natri clorat (NaClO_3), Kali clorat (KClO_3), Kali perclorat (KClO_4).

4. "*Vật liệu nổ công nghiệp*" là thuốc nổ và các phụ kiện nổ sử dụng cho mục đích dân dụng.

5. "*Vật liệu nổ công nghiệp mới*" là các loại vật liệu nổ công nghiệp lần đầu sản xuất nhập khẩu vào Việt Nam và chưa được đưa vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp Việt Nam. Vật liệu nổ công nghiệp đã có trong Danh mục vật liệu nổ công nghiệp nhưng có sự thay đổi bất kỳ về thành phần được coi là vật liệu nổ công nghiệp mới.

6. "*Danh mục vật liệu nổ công nghiệp Việt Nam*" là bản liệt kê các loại vật liệu nổ công nghiệp được phép lưu thông, sử dụng ở Việt Nam. Nội dung bản danh mục bao gồm các thông tin về phân loại, quy cách bao gói, chỉ tiêu chất lượng và nguồn gốc vật liệu nổ công nghiệp.

7. "*Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp*" là quá trình tạo ra thuốc nổ, phụ kiện nổ, bao gồm cả việc chế tạo thuốc nổ ngay tại địa điểm sử dụng, quá trình tái chế, đóng gói dán nhãn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp nhưng không bao gồm việc chia nhỏ, bao gói nhằm tạo ra các lượng nổ theo nhu cầu tại nơi nổ mìn.

8. "*Bảo quản vật liệu nổ công nghiệp*" là hoạt động cất giữ vật liệu nổ công nghiệp trong kho, trong quá trình vận chuyển đến nơi sử dụng hoặc tại nơi sử dụng.

9. "*Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp*" là hoạt động vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp từ địa điểm này đến địa điểm khác.

Vận chuyển nội bộ là vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp bên trong ranh giới mỏ, công trường hoặc cơ sở sản xuất, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp trên các đường không giao cắt với đường thủy, đường bộ công cộng.

10. "*Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp*" là quá trình làm nổ vật liệu nổ công nghiệp theo quy trình công nghệ đã được xác định.

11. "*Tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp*" là quá trình phá bỏ hoặc làm mất khả năng tạo ra phản ứng nổ của vật liệu nổ công nghiệp theo quy trình công nghệ đã được xác định.

12. "*Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp*" là việc thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các hoạt động mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, vận chuyển quá cảnh vật liệu nổ công nghiệp.

13. "*Nghiên cứu, phát triển công nghệ vật liệu nổ công nghiệp*" là toàn bộ quá trình tạo ra sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp mới hoặc chỉ một trong những bước của quá trình để xác định thành phần, hoàn thiện quy trình công nghệ, dây chuyền thiết bị sản xuất, xác định khả năng ứng dụng của sản phẩm.

14. "*Dịch vụ nổ mìn*" là việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để thực hiện hợp đồng nổ mìn giữa tổ chức được phép làm dịch vụ nổ mìn với tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

15. "*Thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp*" là thao tác kỹ thuật tại phòng thử nghiệm hoặc hiện trường, địa điểm quy định để xác định đặc tính kỹ thuật và mức độ rủi ro trong điều kiện sử dụng thực tế của vật liệu nổ công nghiệp.

16. "*Hoạt động vật liệu nổ công nghiệp*" là việc thực hiện một trong số hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy, giám sát ảnh hưởng nổ mìn.

17. "*Khoảng cách an toàn*" là khoảng cách cần thiết nhỏ nhất, theo mọi hướng tính từ vị trí nổ mìn hoặc từ nhà xưởng, kho, phương tiện chứa vật liệu nổ công nghiệp đến các đối tượng cần bảo vệ (người, nhà ở, công trình hoặc kho, đường giao thông công cộng, phương tiện chứa vật liệu nổ công nghiệp khác...), sao cho các đối tượng đó

không bị ảnh hưởng quá mức cho phép về chấn động, sóng không khí, đá văng theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khi nổ mìn hoặc khi có sự cố cháy, nổ phương tiện, kho chứa vật liệu nổ công nghiệp.

18. "*Chỉ huy nổ mìn*" là người đủ điều kiện về trình độ và kinh nghiệm, chịu trách nhiệm hướng dẫn, điều hành, giám sát toàn bộ hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại khu vực nổ mìn.

19. "*Giám sát ảnh hưởng nổ mìn*" là việc sử dụng các phương tiện, thiết bị để đo, phân tích và đánh giá mức độ chấn động, mức độ tác động sóng không khí do nổ mìn gây ra.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

1. Nhà nước độc quyền về sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp. Số lượng, phạm vi, quy mô các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở phù hợp quy hoạch phát triển vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của từng thời kỳ, chống lạm dụng vị trí độc quyền, bảo đảm lợi ích quốc gia, quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp.

2. Xây dựng, phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp tiên tiến, hoàn chỉnh từ sản xuất nguyên liệu đến sản phẩm, đáp ứng nhu cầu nền kinh tế quốc dân và xuất khẩu. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, khai thác tối đa năng lực của ngành công nghiệp quốc phòng và các ngành công nghiệp hóa chất trong phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vật liệu nổ công nghiệp chỉ được hoạt động khi đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép, phải tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn về vật liệu nổ công nghiệp, phòng cháy, chữa cháy và các quy định liên quan bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, an toàn cho con người, tài sản và môi trường thiên nhiên.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

1. Nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định của Nghị định này.

2. Lưu thông, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không an toàn và không thuộc Danh mục vật liệu nổ công nghiệp Việt Nam theo quy định của Nghị định này.

3. Chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, thế chấp, biếu tặng, cất giấu hoặc sở hữu trái phép vật liệu nổ công nghiệp.

4. Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để săn bắt, khai thác trái phép động, thực vật, xâm hại sức khỏe con người, huỷ hoại môi trường sinh thái, gây nguy hại đến an ninh, an toàn, trật tự xã hội.

5. Sử dụng người chưa đủ tuổi thành niên, người không có chứng nhận nhân thân hợp lệ, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người mất năng lực hành vi dân sự, người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người bị kết án nhưng chưa được xóa án tích tham gia các hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để cản trở bất hợp pháp, gây phiền hà, sách nhiễu đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân hoặc bao che hành vi vi phạm pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp.

7. Không cung cấp hoặc cung cấp thông tin sai lệch về vật liệu nổ công nghiệp. Không báo cáo kịp thời, che giấu hoặc làm sai lệch thông tin báo cáo về mất cắp, thất thoát, tai nạn, sự cố vật liệu nổ công nghiệp.

8. Những hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Mục 1. YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 6. Hệ thống tổ chức quản lý kỹ thuật an toàn

Tổ chức, cá nhân hoạt động vật liệu nổ công nghiệp phải thiết lập hệ thống tổ chức quản lý kỹ thuật an toàn do lãnh đạo trực tiếp điều hành, chỉ đạo và phân công người đủ trình độ, kinh nghiệm chịu trách nhiệm thực hiện công tác kỹ thuật an toàn tại mỗi bộ phận, vị trí có nguy cơ cao về sự cố, tai nạn cháy, nổ.

Điều 7. Yêu cầu về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy

Tổ chức, cá nhân hoạt động vật liệu nổ công nghiệp phải có phương án bảo vệ an ninh, trật tự và phương án, biện pháp phòng cháy, chữa cháy cho cơ sở sản xuất hệ thống kho tàng, nơi bốc dỡ, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp đang hoạt động, định kỳ tổ chức diễn tập theo quy định. Các kho chứa vật liệu nổ công nghiệp phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố khẩn cấp.

Điều 8. Hồ sơ, tài liệu hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

Tổ chức, cá nhân hoạt động vật liệu nổ công nghiệp phải bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ đối với từng loại vật liệu nổ công nghiệp sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, bảo quản, tồn kho, tiêu huỷ trong thời hạn 10 (mười) năm, kể từ ngày thực hiện sản xuất mua bán, xuất khẩu nhập khẩu sử dụng, vận chuyển, bảo quản, tồn kho, tiêu huỷ.

Điều 9. Yêu cầu về công tác huấn luyện

Tổ chức, cá nhân hoạt động vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa ứng phó sự cố khẩn cấp trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Mục 8 Nghị định này.

Điều 10. Đăng ký địa điểm bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp

Tổ chức, cá nhân hoạt động vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện việc đăng ký và được sự cho phép của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với các địa điểm bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 11. Yêu cầu đối với tiêu huỷ vật liệu nổ công nghiệp

Vật liệu nổ công nghiệp quá hạn, đã mất phẩm chất và không có khả năng tái chế sử dụng phải được tiêu huỷ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về vật liệu nổ công nghiệp. Việc tiêu huỷ vật liệu nổ công nghiệp phải do các tổ chức có Giấy phép sản xuất, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thực hiện.

Mục 2. ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 12. Yêu cầu đối với sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp

Các loại vật liệu nổ công nghiệp trước khi đưa vào lưu thông, sử dụng phải được thử nghiệm, đánh giá, phân loại bảo đảm thoả mãn các yêu cầu an toàn, chất lượng, bao gói, ghi nhãn theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 13. Phân loại vật liệu nổ công nghiệp

1. Vật liệu nổ công nghiệp được phân loại dựa trên mức độ nguy hiểm và độ ổn định đối với các tác động môi trường bên ngoài khi bảo quản, vận chuyển, sử dụng. Việc phân loại phải căn cứ vào các thử nghiệm, đánh giá quy định tại Điều 14 Nghị định này.

2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn làm căn cứ để phân loại, đánh giá vật liệu nổ công nghiệp phải tuân thủ quy định của hệ thống hài hoà toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (Globally Harmonized System of Classification and Labelling of Chemicals) và phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

3. Tiêu chuẩn phân loại, đánh giá vật liệu nổ công nghiệp là tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng.

Điều 14. Thử nghiệm, đánh giá vật liệu nổ công nghiệp

1. Việc thử nghiệm, đánh giá vật liệu nổ công nghiệp được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Vật liệu nổ công nghiệp mới sản xuất ở Việt Nam;

b) Vật liệu nổ công nghiệp mới nhập khẩu vào Việt Nam nhưng không có kết quả thử nghiệm, đánh giá được thừa nhận theo quy định pháp luật.

c) Phục vụ kiểm tra nhà nước theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa.

2. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm, đánh giá, phân loại vật liệu nổ công nghiệp mới trước khi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định đưa vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép lưu thông, sử dụng ở Việt Nam.

3. Việc thử nghiệm, đánh giá vật liệu nổ công nghiệp do các tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định thực hiện. Việc công nhận kết quả thử nghiệm, đánh giá vật liệu nổ công nghiệp của các tổ chức thử nghiệm nước ngoài do Bộ Công Thương quy định.

4. Nội dung thử nghiệm, đánh giá vật liệu nổ công nghiệp mới thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Vật liệu nổ công nghiệp mới sử dụng trong môi trường nguy hiểm về khí, bụi nổ; môi trường có nhiệt độ cao phải được thử nghiệm trong điều kiện thực tế ngoài các thử nghiệm đã hoàn thành trong phòng thử nghiệm được chỉ định.

5. Nội dung thử nghiệm, đánh giá vật liệu nổ công nghiệp phục vụ kiểm tra nhà nước thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra nhà nước về chất lượng vật liệu nổ công nghiệp.

6. Bộ Công Thương quy định cụ thể về Danh mục vật liệu nổ công nghiệp, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thử nghiệm, đánh giá, phân loại và trình tự, thủ tục công nhận, thẩm định đưa vật liệu nổ công nghiệp mới vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép lưu thông, sử dụng ở Việt Nam.

Mục 3. NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 15. Nghiên cứu, phát triển công nghệ vật liệu nổ công nghiệp

1. Việc nghiên cứu, phát triển công nghệ vật liệu nổ công nghiệp do các tổ chức khoa học, công nghệ hoặc các doanh nghiệp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp có đủ điều kiện về chuyên môn, cơ sở vật chất thực hiện.

2. Tổ chức nghiên cứu, phát triển công nghệ vật liệu nổ công nghiệp phải lập dự án nghiên cứu đề nghị cơ quan có thẩm quyền xét duyệt theo quy định.

3. Tổ chức nghiên cứu, phát triển công nghệ vật liệu nổ công nghiệp chỉ được triển khai dự án theo đúng quy mô, nội dung đã phê duyệt.